

Phát triển bền vững ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Nguyễn Toàn^{a*}, Nguyễn Trọng Tùng^b

Tóm tắt:

Biến đổi khí hậu đang đặt ra những thách thức nghiêm trọng cho ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, đe dọa các di sản, hoạt động du lịch, sản xuất thủ công và nhiều lĩnh vực khác. Nghiên cứu này phân tích một cách toàn diện thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của ngành trong bối cảnh biến đổi khí hậu, từ đó đề xuất một lộ trình chiến lược với các giải pháp cụ thể, phân kỳ theo giai đoạn, nhằm phát triển bền vững ngành công nghiệp văn hóa. Các giải pháp tập trung vào nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực quản lý và quy hoạch, huy động đa dạng nguồn lực, ứng dụng công nghệ số và công nghệ xanh, phát triển sản phẩm và dịch vụ văn hóa xanh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò quan trọng của sự phối hợp liên ngành, sự tham gia của cộng đồng và sự đổi mới sáng tạo trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển bền vững ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: công nghiệp văn hóa, phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, thích ứng biến đổi khí hậu; văn hóa Việt Nam

^a Học viện Chính trị Khu vực III; 232 Nguyễn Công Trứ, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.
e-mail: nguyentoanhv3@gmail.com

^b Trường Đại học Đông Á; 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
e-mail: tungqn@donga.edu.vn

* Tác giả chịu trách nhiệm chính.

Sustainable Development of Vietnam's Cultural Industry in the Context of Climate Change.

Nguyen Toan^{a*}, Nguyen Trong Tung^b

Abstract:

Climate change poses serious challenges to Vietnam's cultural industry, threatening heritage sites, tourism activities, handicraft production, and many other sectors. This study comprehensively analyzes the current situation, strengths, weaknesses, opportunities, and threats of the industry in the context of climate change, thereby proposing a strategic roadmap with specific solutions, phased over time, to sustainably develop the cultural industry. The solutions focus on raising awareness, strengthening management and planning capacity, mobilizing diverse resources, applying digital and green technologies, developing green cultural products and services, and preserving and promoting traditional cultural values. The study emphasizes the important role of inter-sectoral coordination, community participation, and innovation in responding to climate change, towards sustainable development of Vietnam's cultural industry.

Keywords: *cultural industry, sustainable development, climate change, climate change adaptation; Vietnamese culture*

Received: 10.2.2025; **Accepted:** 15.6.2025; **Published:** 30.6.2025

DOI: 10.59907/daujs.4.2.2025.416

^a Academy of Politics Region III; 232 Nguyen Cong Tru Street, An Hai Bac Ward, Son Tra District, Da Nang City, Vietnam. e-mail: nguyentoanhv3@gmail.com

^b Dong A University; 33 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Da Nang City, Vietnam. e-mail: tungqn@donga.edu.vn

* *Corresponding Author.*

Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu nổi lên như một trong những thách thức mang tính toàn cầu và cấp bách nhất của thế kỷ XXI, gây ra những hệ lụy sâu rộng và đa chiều đối với mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh đó, ngành công nghiệp văn hóa, vốn đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, bảo tồn di sản và định hình bản sắc văn hóa, cũng đang phải đối mặt với những nguy cơ và thách thức chưa từng có. Tại Việt Nam, một quốc gia được đánh giá là dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán, bão và nước biển dâng đang gây ra những thiệt hại đáng kể, trực tiếp đe dọa các di tích lịch sử, công trình văn hóa, các hoạt động du lịch, sản xuất thủ công mỹ nghệ và nhiều lĩnh vực khác. Minh chứng là các trận lũ lụt lịch sử tại Huế và Hội An không chỉ gây hư hại nghiêm trọng các di tích, mà còn làm gián đoạn hoạt động du lịch, ảnh hưởng đến sinh kế của người dân. Các làng nghề truyền thống ven biển đối diện với nguy cơ mất nguồn nguyên liệu do nước biển dâng và xâm nhập mặn, trong khi ngành du lịch, đặc biệt là du lịch biển và du lịch sinh thái, chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thời tiết cực đoan và sự suy thoái của các hệ sinh thái. Các sự kiện văn hóa, nghệ thuật cũng thường xuyên bị gián đoạn, hoãn hoặc hủy bỏ do thiên tai.

Tuy nhiên, ngành công nghiệp văn hóa không chỉ dừng lại ở vai trò “nạn nhân” của biến đổi khí hậu. Với đặc thù riêng, ngành này còn có tiềm năng to lớn để đóng góp vào công cuộc ứng phó với biến đổi khí hậu. Cụ thể, thông qua các loại hình nghệ thuật, các sản phẩm văn hóa sáng tạo, ngành có thể nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi theo hướng bền vững, và gợi mở các giải pháp sáng tạo. Các dự án nghệ thuật sắp đặt, phim tài liệu, chiến dịch truyền thông sử dụng hình ảnh nghệ thuật là những ví dụ điển hình cho thấy sức mạnh của văn hóa trong việc lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường. Điển hình như “Tuần lễ Phim Quốc tế về Thiên nhiên” hay chương trình “Nghệ thuật vì khí hậu - Hạ Long 2025” đã cho thấy hiệu quả của việc sử dụng nghệ thuật để nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường.

Trước bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, nghiên cứu này tập trung đánh giá tác động đến các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam dễ bị tổn thương, gồm du lịch văn hóa, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh. Mục tiêu là đề xuất giải pháp ứng phó và thích ứng, hướng tới phát triển bền vững. Để đạt mục tiêu này, nghiên cứu: (1) Đánh giá hệ thống tác động của biến đổi khí hậu; (2) Phân tích SWOT; (3) Đề xuất giải pháp khả thi, phù hợp đặc thù từng ngành.

Nghiên cứu dựa trên nền tảng lý thuyết vững chắc, tích hợp ba trụ cột: (1) Phát triển bền vững (Báo cáo Brundtland, 1987), “Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại nhưng không ảnh hưởng tới khả năng của thế hệ tương lai đáp ứng nhu cầu của bản thân thế hệ tương lai”; (2) Lý thuyết ngành công nghiệp văn hóa (UNESCO, 2007), nhấn mạnh vai trò của sáng tạo, tri thức, quyền sở hữu trí tuệ trong sản xuất các sản

phẩm và dịch vụ văn hóa; (3) Biến đổi khí hậu, tập trung phân tích tác động cụ thể của biến đổi khí hậu. Ba trụ cột này được tích hợp xuyên suốt để phân tích thực trạng, SWOT và đề xuất giải pháp, đảm bảo phát triển bền vững ngành công nghiệp văn hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Nghiên cứu liên quan

Nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu đến di sản văn hóa và thiên nhiên đã thu hút sự quan tâm ngày càng tăng trên toàn cầu (Magdalena, 2024; UNESCO, 2021). Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng biến đổi khí hậu đang đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại và tính toàn vẹn của các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, gây ra những tổn thất không thể phục hồi, đồng thời ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế và đời sống (Hòa, 2024; Son, 2012). Đáng chú ý, UNESCO (2021) cảnh báo rằng gần một phần ba số di sản thế giới ven biển đang đối mặt với nguy cơ nghiêm trọng từ nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Điều này cho thấy tính cấp bách của việc nghiên cứu và hành động để bảo vệ các di sản văn hóa trước tác động của biến đổi khí hậu.

Trong những năm gần đây, vai trò của văn hóa và các ngành công nghiệp văn hóa, sáng tạo trong ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng được khẳng định. Các nghiên cứu nhấn mạnh vai trò then chốt của các ngành này trong việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh, giải quyết khủng hoảng năng lượng (Voices of Culture, 2023), và đóng góp vào phát triển bền vững (Zhang và cộng sự (2024)). Cụ thể, Zhang et al. (2024) đã chỉ ra mối tương quan tích cực giữa đầu tư vào văn hóa và tăng trưởng xanh ở Trung Quốc, trong khi Haapaniemi & Petäjäjärvi (2024) nhấn mạnh tiềm năng của ngành công nghiệp văn hóa trong việc thay đổi nhận thức và hành vi về biến đổi khí hậu. Những nghiên cứu này cho thấy văn hóa không chỉ là “nạn nhân” mà còn là “giải pháp” cho vấn đề biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, mặc dù các nghiên cứu quốc tế đã đạt được những tiến bộ đáng kể, vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được nhìn nhận và khắc phục:

Tính khái quát: Nhiều nghiên cứu, dù cung cấp những hiểu biết giá trị, nhưng thường dừng lại ở mức độ khái quát, chưa đi sâu vào phân tích một cách cụ thể và chi tiết về tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực cụ thể của ngành công nghiệp văn hóa.

Phạm vi địa lý: Phần lớn các nghiên cứu hiện có tập trung chủ yếu ở các nước phát triển hoặc một số khu vực nhất định trên thế giới, trong khi các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là các quốc gia dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu như Việt Nam, lại chưa được quan tâm đúng mức.

Thiếu nghiên cứu chuyên sâu về Việt Nam: Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu và ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam còn rất hạn chế, chủ yếu mới chỉ tập trung vào tác động đến một số di sản văn hóa cụ thể hoặc hoạt động du lịch văn hóa, mà

chưa có một nghiên cứu tổng thể, hệ thống và chuyên sâu về toàn bộ ngành, cũng như vai trò của ngành trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

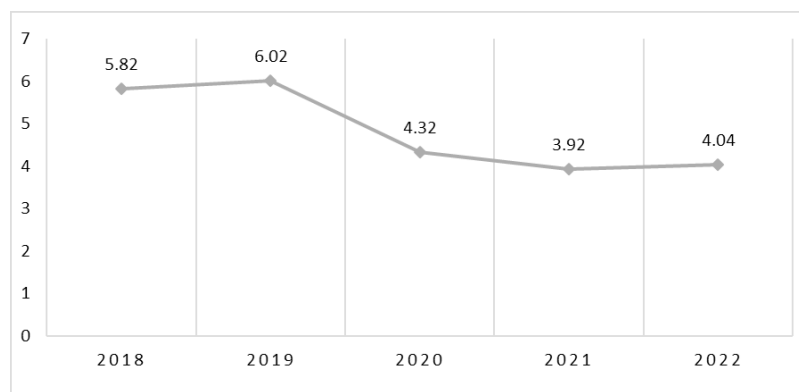
Nghiên cứu này sẽ góp phần lấp đầy những khoảng trống nghiên cứu đó bằng cách cung cấp một đánh giá toàn diện, hệ thống và chuyên sâu về tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành công nghiệp văn hóa chủ chốt tại Việt Nam, đồng thời đề xuất các giải pháp thích ứng và phát triển bền vững phù hợp với bối cảnh cụ thể của Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu

Thực trạng phát triển công nghiệp văn hóa Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, việc nghiên cứu thực trạng phát triển của ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam là vô cùng cần thiết. Trên thế giới, thuật ngữ công nghiệp văn hóa đã được bàn luận sâu rộng, và nghiên cứu này sử dụng định nghĩa của UNESCO, nhấn mạnh sự kết nối giữa sáng tạo, sản xuất, thương mại hóa sản phẩm văn hóa, và bảo vệ bản quyền. Chính phủ Việt Nam cũng xác định 12 lĩnh vực: Quảng cáo, Kiến trúc, Phần mềm và các trò chơi giải trí, Thủ công mỹ nghệ, Thiết kế, Điện ảnh, Xuất bản, Thời trang; Nghệ thuật biểu diễn, Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Truyền hình và phát thanh; Du lịch văn hóa, với mục tiêu đến năm 2030 đóng góp 7% GDP, tạo việc làm, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

Tuy nhiên, biểu đồ 1 cho thấy giai đoạn 2019 - 2021, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tỷ lệ đóng góp của công nghiệp văn hóa vào GDP giảm đáng kể. Dù có phục hồi nhẹ năm 2022, tỷ lệ này vẫn thấp hơn trước đại dịch, cho thấy ngành đang đối mặt nhiều khó khăn. Bên cạnh các yếu tố kinh tế - xã hội, biến đổi khí hậu cũng là một yếu tố cần xem xét, đặc biệt trong dài hạn.



Hình 1. Giá trị gia tăng (giá hiện hành) của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp vào nền kinh tế giai đoạn 2018 - 2022 (%)

Nguồn số liệu: Trung tâm tư vấn và dịch vụ thống kê, Cục thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin, Tổng cục Thống kê

Bên cạnh những yếu tố kinh tế - xã hội, cần phải xem xét đến vai trò của biến đổi khí hậu như một yếu tố tiềm ẩn, góp phần vào sự biến động của ngành công nghiệp văn hóa, đặc biệt khi xét trong trung và dài hạn. Mặc dù biểu đồ trên không trực tiếp phản ánh tác động của biến đổi khí hậu, nhưng xét trong bối cảnh khi các hiện tượng thời tiết cực đoan, vốn là hệ quả của biến đổi khí hậu, có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến du lịch văn hóa, các di sản văn hóa, và các hoạt động văn hóa ngoài trời, từ đó tác động đến hiệu quả kinh tế của toàn ngành công nghiệp văn hóa là hoàn toàn có cơ sở. Các di sản văn hóa tại miền Trung Việt Nam, đặc biệt là Hội An và Mỹ Sơn, thường xuyên đối mặt với nguy cơ suy thoái nghiêm trọng do tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Tại Hội An, những yếu tố như triều cường, bão lớn, không khí lạnh, dải hội tụ nhiệt đới và lũ lụt kéo dài gây ảnh hưởng trực tiếp đến các công trình kiến trúc cổ. Đáng chú ý, các trận lũ kéo dài (có thể lên đến hai tuần) gây ra những hư hại đáng kể, đặc biệt đối với các kết cấu gỗ. Các khảo sát cho thấy khoảng 10% số nhà cổ tại Hội An (tương đương 70 ngôi nhà) đã xuống cấp nghiêm trọng và có nguy cơ sụp đổ do lũ lụt.

Khu di tích Mỹ Sơn cũng chịu tác động tương tự. Một trận lũ quét lịch sử vào tháng 10 năm 2014 đã gây ngập lụt trên diện rộng, nhiều tháp bị ngập sâu trong nước. Ngoài ngập lụt, hiện tượng sạt lở đất tại các khu vực đồi núi xung quanh khu di sản cũng đe dọa trực tiếp đến sự bền vững của các đền tháp. Ví dụ, sau quá trình khai quật và tu bổ, việc mất đi lớp phủ thực vật tại nhóm tháp G đã làm gia tăng hiện tượng xói mòn, đất đá trôi lấp, buộc Ban quản lý phải sử dụng các biện pháp gia cố tạm thời. Ngoài ra, sự biến đổi dòng chảy của Khe Thẻ cũng là một mối nguy thường trực, thậm chí trong lịch sử đã từng gây ra thiệt hại nghiêm trọng, cuốn trôi một phần nhóm tháp A. Theo dữ liệu của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế năm 2024, lượt khách tham quan tháng 10 giảm gần 1/3 so với tháng 7. Bởi đây là lúc Huế bước vào mùa mưa bão, mùa thấp điểm của du lịch.

Dữ liệu từ Chỉ số Rủi ro INFORM 2019 cho thấy tác động của biến đổi khí hậu đến Việt Nam là rất lớn. Việc xếp hạng 91/191 quốc gia về rủi ro thiên tai phản ánh sự tổn thương của Việt Nam trước các hiểm họa như bão mạnh, nước dâng, lũ lụt, xói lở, hạn hán và xâm nhập mặn (James Borton, 2021) - những hiện tượng đều liên quan chặt chẽ đến biến đổi khí hậu. Các hiện tượng thời tiết cực đoan này ngày càng thường xuyên và nghiêm trọng, gây hậu quả nặng nề về người, tài sản, cơ sở hạ tầng và sinh kế, đặc biệt ở ven biển và đồng bằng.

Qua Bảng 1 cho thấy, biến đổi khí hậu đang tác động tiêu cực đến hầu hết di sản kiến trúc (DSKT) trên toàn quốc và đều liên quan đến thiên tai về nước, một số vùng chịu ảnh hưởng nặng nề khi tỷ lệ di sản kiến trúc bị hư hại hoàn toàn ở mức cao. Khi di sản kiến trúc chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, kéo theo những thiệt hại không chỉ về tài chính cho công tác duy tu bảo tồn, mà còn gây hưởng đến sự phát triển chung của ngành công

nghiệp văn hóa có liên quan đến các di sản kiến trúc như du lịch văn hóa, điện ảnh (các phim trường, bối cảnh quay); kiến trúc; thủ công truyền thống...

Bảng 1. Tỷ lệ các địa phương ở các vùng bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu 2016 - 2018 (%) (Viện Bảo tồn di tích, 2021)

Biểu hiện của BĐKH	Tác động tới DSKT	Vùng							
		Đông Bắc	Tây Bắc	Đồng bằng Sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Tây Nam Bộ	Đông Nam Bộ
Lũ, lụt	Ngập gây hư hại	66.67	60	50	100	42.86	20	25	33.33
	Sụp đổ công trình	33.33	40	16.67	0	14.29	0	0	33.33
	Gây xuống cấp	66.67	100	50	100	85.71	60	50	33.33
Bão, lốc	Sụp đổ di tích, công trình văn hóa	0	0	16.67	0	28.57	40	8.33	33.33
	Tốc mái, hư hại công trình	50	80	33.33	66.67	42.86	40	16.67	66.67
	Gây xuống cấp	83.33	80	50	100	71.43	80	58.33	100
Sạt lở	Phá hủy hoàn toàn công trình	16.67	0	0	0	28.57	0	0	0
	Gây hư hại, mất an toàn	16.67	60	33.33	66.67	57.14	40	58.33	33.33
	Ảnh hưởng tới hệ thống cơ sở hạ tầng	66.67	100	33.33	100	57.14	60	58.33	33.33
Nước biển dâng	Ảnh hưởng tới hệ sinh thái	0	0	16.67	0.00	57.14	0	41.67	33.33
	Phá hủy hoàn toàn công trình	0	0	16.67	33.33	28.57	0	8.33	33.33
	Gây hư hại, mất an toàn sử dụng	0	0	16.67	66.67	28.57	0	25.00	33.33

Các ngành công nghiệp văn hóa, một phần của công nghiệp sáng tạo với bản chất là sự kết hợp giữa yếu tố kinh tế, giá trị văn hóa và sự sáng tạo ngày càng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, đặc biệt trong bối cảnh gắn với phát triển bền vững. Để làm rõ hơn vai trò của công nghiệp văn hóa trong phát triển bền vững, Bảng 2 dưới đây tổng hợp một số nghiên cứu đáng chú ý trên thế giới.

Bảng 2. Nghiên cứu quốc tế về công nghiệp văn hóa và phát triển bền vững

Năm xuất bản	Tác giả / Nhóm tác giả	Nội dung nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu
2017	Jianfei Yang, Jüratė ernevi iūtė.	Cultural and Creative Industries (CCI) and sustainable development: China's cultural industries clusters [Các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCI) và phát triển bền vững: Các cụm ngành công nghiệp văn hóa của Trung Quốc]	Nghiên cứu này đã cung cấp những hiểu biết sâu sắc về vai trò của các cụm ngành CCI trong việc thúc đẩy phát triển bền vững ở Trung Quốc: liên kết kiến thức truyền thống với người tiêu dùng cuối cùng, phục vụ cả mục tiêu kinh tế và văn hóa.

Năm xuất bản	Tác giả/ Nhóm tác giả	Nội dung nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu
2023	Romero Borre et al.	Discussion of the aspects of the cultural and creative industries that impact on sustainable development: a systematic review. [Thảo luận về các khía cạnh của các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo có tác động đến sự phát triển bền vững: đánh giá có hệ thống]	Các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo có tác động đáng kể đến việc đạt được sự phát triển bền vững, đặc biệt trong các khía cạnh kinh tế và xã hội, thúc đẩy đổi mới công nghệ, tạo việc làm, hòa nhập xã hội, giải cứu và bảo tồn các giá trị văn hóa
2024	Kalfas et al.	Contribution of the Cultural and Creative Industries to Regional Development and Revitalization: A European Perspective. [Đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo vào phát triển và tái sinh vùng: Góc nhìn từ Châu Âu]	Nghiên cứu này đã khẳng định vai trò quan trọng của các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo trong việc thúc đẩy sự phát triển và phục hồi khu vực ở châu Âu. Nó không chỉ là động lực kinh tế mà còn là công cụ mạnh mẽ để tăng cường gắn kết xã hội, bảo tồn bản sắc văn hóa và tái tạo đô thị.
2024	Zhang et al.	Promoting carbon neutrality and green growth through cultural industry financing. [Thúc đẩy tính trung hòa carbon và tăng trưởng xanh thông qua tài trợ cho ngành công nghiệp văn hóa]	Nghiên cứu cho thấy đầu tư vào tính bền vững của ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo sẽ mang lại tác động tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thân thiện với môi trường.

Từ Bảng 2 nghiên cứu và thực tế trên, có thể thấy rằng dù các nghiên cứu trên thế giới đã chứng minh vai trò quan trọng của ngành công nghiệp văn hóa và sự sáng tạo trong phát triển bền vững, vẫn còn thiếu những nghiên cứu cụ thể về tác động của biến đổi khí hậu đến ngành này, đặc biệt là ở Việt Nam. Với tính chất đa dạng và phụ thuộc vào nhiều yếu tố tự nhiên của ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, việc nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó là vô cùng cần thiết và mang tính cấp bách.

Mặc dù đóng vai trò trụ cột, ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đang đứng trước nguy cơ hiện hữu từ biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu không chỉ tàn phá hệ sinh thái và môi trường tự nhiên mà còn trực tiếp gây ra những hệ lụy nghiêm trọng cho ngành, đặc biệt là các lĩnh vực phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động văn hóa ngoài trời. Cụ thể, các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng về tần suất và cường độ, như bão, lũ lụt, hạn hán và sự bất ổn khí hậu, đe dọa trực tiếp đến sự an toàn của các di tích lịch sử, phá hủy các công trình văn hóa, làm gián đoạn và suy giảm du lịch văn hóa, gây tổn thất cho các làng nghề truyền thống và buộc phải hủy bỏ hoặc thay đổi các lễ hội ngoài trời.

Nhận thức được tính cấp thiết của vấn đề, Việt Nam đã thể hiện cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm cả thích ứng và giảm phát thải khí nhà kính, đặc biệt sau khi Thỏa thuận Paris có hiệu lực và Chính phủ ban hành 5 nhóm nhiệm vụ triển khai. Tuy nhiên, hiện trạng cho thấy các nỗ lực thích ứng trong ngành công nghiệp văn hóa vẫn còn phân tán, thiếu tính hệ thống và chưa đủ sức mạnh để đối phó hiệu quả với những tác động ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là sự thiếu hụt về nguồn lực tài chính, đội ngũ nhân lực chuyên môn và công nghệ phù hợp. Điều này đặc biệt đáng lo ngại bởi “vốn văn hóa” chính là nền tảng, là “nguyên liệu đầu vào” không thể thiếu cho sự tồn tại và phát triển của ngành.

Mặc dù đã có những tín hiệu tích cực từ một số chủ thể trong ngành - ví dụ như việc một vài di tích lịch sử chủ động triển khai các biện pháp bảo tồn, một số lễ hội truyền thống điều chỉnh thời gian tổ chức, và các doanh nghiệp du lịch bắt đầu quan tâm đến mô hình du lịch xanh - nhưng những nỗ lực này vẫn còn mang tính đơn lẻ và chưa đủ để tạo ra sự thay đổi mang tính hệ thống.

Thách thức cốt lõi hiện nay chính là sự thiếu nhận thức đầy đủ về mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với toàn bộ ngành công nghiệp văn hóa, đi kèm với đó là sự thiếu chuẩn bị cần thiết cho các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra. Do đó, một nhiệm vụ then chốt cần được ưu tiên thực hiện là tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về tác động của biến đổi khí hậu lên từng lĩnh vực cụ thể của ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam. Kết quả từ những nghiên cứu này sẽ cung cấp cơ sở khoa học vững chắc để xây dựng và triển khai các giải pháp ứng phó hiệu quả và mang tính chiến lược, từ đó đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp.

Phân tích SWOT của ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, với tiềm năng to lớn từ lịch sử, truyền thống và sự đa dạng văn hóa, đang đứng trước những cơ hội phát triển chưa từng có trong kỷ nguyên số và bối cảnh hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, biến đổi khí hậu đang đặt ra những thách thức không nhỏ, đòi hỏi ngành phải có những điều chỉnh và chiến lược phù hợp để đảm bảo sự phát triển bền vững.

Điểm mạnh (Strengths)		Điểm yếu (Weaknesses)	
Di sản văn hóa phong phú, đa dạng, nguồn cảm hứng sáng tạo bất tận.	9 di sản thế giới; 16 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; 10 di sản tư liệu được UNESCO vinh danh; khoảng 40.000 di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, gần 65.900 di sản văn hóa phi vật thể của 63 tỉnh, thành phố; 130 di tích quốc gia đặc biệt, 3.620 di tích quốc gia, hơn 10.000 di tích cấp tỉnh, 562 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 294 bảo vật quốc gia, 200 bảo tàng với hơn 4 triệu hiện vật.	Nhận thức hạn chế về biến đổi khí hậu	- Thiếu hiểu biết đầy đủ về mức độ ảnh hưởng - Ứng phó bị động, thiếu trọng tâm vào giải pháp bền vững.
Nguồn nhân lực sáng tạo, am hiểu văn hóa	1.186 nghệ nhân Làng nghề Việt Nam (2024). Trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể, có 131 Nghệ nhân Nhân dân và 1.750 Nghệ nhân Ưu tú (2022); 577 Nghệ sĩ Nhân dân, 2.885 Nghệ sĩ ưu tú (2024); Bên cạnh đó, còn có một lực lượng đông đảo các nghệ nhân, thợ thủ công và những người thực hành di sản văn hóa ở khắp các địa phương trên cả nước. Thành công trong điện ảnh (doanh thu phim cao tính đến 2.2025 với 30 bộ phim đạt doanh thu trên 100 tỷ đồng), thời trang (nhà thiết kế quốc tế), không gian sáng tạo (phát triển nhanh với hơn 200 không gian sáng tạo). 03 thành phố được công nhận danh hiệu Thành phố sáng tạo UNESCO.	Khan hiếm nguồn lực	- Đầu tư cho nghiên cứu, công nghệ xanh, thích ứng và bảo tồn di sản còn hạn chế. Kinh phí bảo tồn di tích qua các giai đoạn còn thấp hơn nhiều so với nhu cầu (2006-2010: 1.510,47 tỷ đồng/1.218 di tích; 2011-2015: 1.436,844 tỷ đồng/1.302 di tích; 2016 - 2020: 245 tỷ đồng/471 di tích) - Nhân lực còn thiếu chuyên gia liên ngành. - Thiếu công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường.

Điểm mạnh (Strengths)		Điểm yếu (Weaknesses)	
Chính sách hỗ trợ từ Đảng và Nhà nước	Nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng định hướng chính sách sâu sắc về phát triển công nghiệp văn hóa: Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998), Kết luận Hội nghị Trung ương 10, khóa IX (2004), Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X (2008), Nghị quyết số 33-NQ/TW khóa XI (2014), Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2016), Văn kiện Đại hội XIII (2021), Chỉ thị số 30 ngày 29.8.2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam thể hiện sự đổi mới trong tư duy về phát triển công nghiệp văn hóa, hướng tới sự phát triển nhanh chóng, bền vững, tương xứng với tiềm năng, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, đồng thời quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.	Năng lực quản lý, quy hoạch bất cập	<ul style="list-style-type: none"> - Các chiến lược và quy hoạch hiện hành thiếu tích hợp đồng bộ yếu tố biến đổi khí hậu, nặng về mục tiêu kinh tế và văn hóa riêng lẻ. - Sự thiếu phối hợp liên ngành, liên vùng làm giảm hiệu quả các nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững.
Cơ hội từ cách mạng công nghiệp 4.0	Ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội, và các nền tảng trực tuyến giúp khai thác tối đa tiềm năng sáng tạo, đổi mới quy trình sản xuất, mở rộng kênh quảng bá và phân phối, số hóa di sản, và tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa hấp dẫn, mang tính tương tác cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ cho ngành.	Cân bằng tăng trưởng và bảo tồn	Ưu tiên kinh tế có nguy cơ làm suy yếu giá trị văn hóa.

Cơ hội (Opportunities)		Thách thức (Threats)	
Phát triển sản phẩm xanh	+ Giảm tác động môi trường, mở rộng thị trường (ví dụ: du lịch cộng đồng). Tiềm ẩn rủi ro “Tẩy xanh” (hình thức vượt quá thực chất), chi phí sản xuất cao (ví dụ: vật liệu tái chế), thiếu chuẩn hóa, thị trường và nhận thức người tiêu dùng còn hạn chế.	Biến đổi khí hậu trực tiếp	- Thời tiết cực đoan (bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn) đe dọa di sản, gián đoạn hoạt động, giảm sức hấp dẫn sự kiện (ví dụ: Hội An, Huế ngập lụt, lễ hội bị hủy).
Quảng bá văn hóa truyền thống gắn với môi trường	Lợi ích kép, văn hóa truyền thống là kênh truyền thông về biến đổi khí hậu (ví dụ: lễ hội Cầu Ngư kết hợp làm sạch biển). Rủi ro: Hình thức (thông điệp môi trường sáo rỗng), đơn giản hóa vấn đề môi trường, hoạt động văn hóa thiếu bền vững (ví dụ: sự kiện âm nhạc ngoài trời thiếu quản lý rác thải, tiếng ồn).	Thiếu phối hợp, thiếu tham gia cộng đồng	Chồng chéo, lãng phí nguồn lực, hạn chế giải pháp sáng tạo (ví dụ: quy hoạch đô thị thiếu đồng bộ với bảo tồn di sản, cộng đồng thiếu kiến thức ứng phó).
Ứng dụng công nghệ số	Thích ứng và phát triển (ví dụ: bảo tàng số, ứng dụng trực tuyến bảo tồn di sản). Rủi ro: Chi phí đầu tư và duy trì cao, phụ thuộc công nghệ ngoại nhập, khoảng cách số gây bất bình đẳng (ví dụ: người dân vùng sâu vùng xa khó tiếp cận), tiêu thụ năng lượng, nguy cơ vi phạm bản quyền.	Mất mát giá trị văn hóa	Do biến đổi môi trường và yếu tố ngoại lai (biến đổi khí hậu, xã hội, trào lưu quốc tế) làm suy yếu, đặc biệt văn hóa phi vật thể (Ví dụ, lễ hội té nước mất đi ý nghĩa gắn với cầu mưa thuận gió hòa do biến đổi khí hậu; làng nghề chiếu cói thiếu nguyên liệu do xâm nhập mặn).

Cơ hội (Opportunities)		Thách thức (Threats)	
Hợp tác quốc tế	Tiếp cận kinh nghiệm, nguồn lực ứng phó biến đổi khí hậu (ví dụ: dự án với UNESCO về bảo tồn di sản Huế). Rủi ro: Phụ thuộc nguồn lực quốc tế, nguy cơ chảy máu chất xám, tính phù hợp của giải pháp, khác biệt lợi ích, tính bền vững không đảm bảo.	Cạnh tranh nội tại, chênh lệch vùng miền	Phân tán sức mạnh (cạnh tranh giữa các ngành), gia tăng bất bình đẳng văn hóa (vùng khó khăn dễ tổn thương hơn) (ví dụ: miền núi khó tiếp cận nguồn lực, du lịch văn hóa ở thành phố lớn cạnh tranh với thủ công truyền thống ở nông thôn).
		Cạnh tranh quốc tế và ảnh hưởng văn hóa ngoại lai	Tạo áp lực lên sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam. Ví dụ, phim ảnh, âm nhạc quốc tế chiếm lĩnh thị trường, gây khó khăn cho sản phẩm văn hóa nội địa.

Phân tích SWOT cho thấy ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam sở hữu nhiều tiềm năng phát triển dựa trên di sản văn hóa phong phú, nguồn nhân lực sáng tạo và sự hỗ trợ của nhà nước. Tuy nhiên, ngành cũng đối mặt với nhiều thách thức từ biến đổi khí hậu, hạn chế về nguồn lực và năng lực quản lý. Để tận dụng cơ hội từ xu hướng phát triển xanh, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế, ngành cần có chiến lược và giải pháp phù hợp, tập trung vào khắc phục điểm yếu, giảm thiểu rủi ro và khai thác tối đa các điểm mạnh.

Định hướng chiến lược và giải pháp

Để hiện thực hóa tầm nhìn phát triển bền vững ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trước thách thức biến đổi khí hậu, một lộ trình chiến lược phân giai đoạn, toàn diện là yếu tố then chốt. Lộ trình này, dựa trên sáu định hướng chiến lược cốt lõi, được triển khai qua ba giai đoạn chính, mỗi giai đoạn tập trung vào các giải pháp cụ thể và đi kèm với phân tích rủi ro, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

Giai đoạn 1: Xây dựng năng lực nền tảng (Ưu tiên). Giai đoạn này tập trung vào việc củng cố nền tảng cho sự phát triển bền vững, ưu tiên nâng cao năng lực nhận thức và năng lực quản lý.

Giải pháp 1: Nâng cao nhận thức và hành động. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu gia tăng, nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành động của cộng đồng về mối quan hệ giữa phát triển công nghiệp văn hóa và biến đổi khí hậu là nhiệm vụ cấp thiết. Giải pháp này hướng tới chuyển biến nhận thức về tác động của biến đổi khí hậu đến ngành công nghiệp văn hóa và vai trò của ngành công nghiệp văn hóa trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Trọng tâm là triển khai Chương trình truyền thông và giáo dục quốc gia về biến đổi khí hậu thông qua các ngành công nghiệp văn hóa. Chương trình này là chiến dịch dài hạn, đa lĩnh vực (điện ảnh, thiết kế, nghệ thuật biểu diễn,...), sử dụng hình thức truyền thông sáng tạo (video, infographic) và nội dung tập trung vào tác động cụ thể đến di sản, lễ hội, du lịch,... Nguồn lực thực hiện được huy động từ ngân sách Nhà nước (đầu tư ban đầu, xây dựng khung chương trình), xã hội hóa (doanh nghiệp, tổ chức xã hội, nghệ sĩ, các nguồn quỹ từ nhân dân) và hợp tác quốc tế (UNESCO, UNFCCC, ICOMOS,...).

Tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn rủi ro, ví dụ như là truyền thông kém hiệu quả do thiếu hấp dẫn, không đúng đối tượng. Để giảm thiểu, cần nghiên cứu kỹ đối tượng, cá nhân hóa thông điệp, đa dạng hình thức, đo lường và đánh giá hiệu quả thường xuyên để điều chỉnh. Giải pháp này là nền tảng quan trọng, tạo tiền đề cho các giải pháp tiếp theo trong lộ trình phát triển bền vững ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trước biến đổi khí hậu.

Giải pháp 2: Nâng cao năng lực quản lý và quy hoạch về phát triển công nghiệp văn hóa và biến đổi khí hậu

Để đảm bảo tính hiệu quả và đồng bộ trong các nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành công nghiệp văn hóa, giải pháp này tập trung vào việc tăng cường năng lực quản lý và quy hoạch, thông qua xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và lồng ghép yếu tố biến đổi khí hậu vào quy hoạch, chính sách. Trọng tâm của giải pháp là thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu trong ngành công nghiệp văn hóa. Ban chỉ đạo này, với đại diện từ các bộ, ngành liên quan (Văn hóa, thể thao và du lịch; Nông nghiệp và môi trường; Kế hoạch và đầu tư; Khoa học và công nghệ; Xây dựng) và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, sẽ chịu trách nhiệm điều phối hoạt động, xây dựng chính sách và kế hoạch hành động, rà soát và điều chỉnh quy hoạch, chiến lược phát triển ngành. Ví dụ, Quy hoạch tổng thể Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam cần được rà soát, mục tiêu hướng đến thích ứng để phù hợp với kịch bản biến đổi khí hậu. Đồng thời, khi ban hành cần phân công trách nhiệm rõ ràng và tăng cường giám sát, đánh giá là yếu tố then chốt. Nguồn lực thực hiện chủ yếu từ Ngân sách Nhà nước, đảm bảo hoạt động của Ban Chỉ đạo và các hoạt động liên ngành. Việc thu hút chuyên gia đa ngành (văn hóa, môi trường, quy hoạch, pháp lý) và hợp tác quốc tế (UNDP, các tổ chức quản lý rủi ro thiên tai) là cần thiết để nâng cao chất lượng chính sách, quy hoạch.

Rủi ro tiềm ẩn bao gồm cơ chế phối hợp thiếu hiệu quả (chồng chéo, thiếu đồng bộ), quy hoạch thiếu khả thi, chính sách ban hành chậm. Để giảm thiểu, cần xây dựng Quy chế hoạt động rõ ràng cho Ban Chỉ đạo, quy hoạch dựa trên dữ liệu khoa học và tham vấn rộng rãi, chính sách linh hoạt và có cơ chế phản hồi, hệ thống giám sát và đánh giá khách quan. Giải pháp này, thông qua việc tăng cường năng lực quản lý và quy hoạch, tạo nền tảng thể chế vững chắc, đảm bảo các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu trong ngành văn hóa được triển khai một cách hiệu quả và có hệ thống.

Giai đoạn 2: Tăng cường nguồn lực và công cụ (triển khai đồng thời). Giai đoạn thứ hai tập trung vào việc bổ sung nguồn lực và công cụ cần thiết để thực hiện các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, triển khai đồng thời hai nhóm giải pháp quan trọng.

Giải pháp 3: Huy động đa dạng các nguồn lực. Để giải quyết bài toán thiếu hụt nguồn lực tài chính và công nghệ, cần đa dạng hóa các kênh huy động vốn. Xã hội hóa hoạt động văn hóa là một hướng đi quan trọng, thông qua việc kêu gọi đầu tư từ khu vực tư nhân, bao gồm các doanh nghiệp ngành công nghiệp văn hóa, các nguồn quỹ (quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh; quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ...). Cần xây dựng cơ chế đối tác công tư (PPP) minh bạch để thu hút đầu tư vào các dự án công nghiệp văn hóa xanh (bảo tồn di sản bằng công nghệ xanh, phát triển du lịch sinh thái cộng đồng). Chính sách ưu đãi thuế (giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp đầu tư vào văn hóa xanh), hỗ trợ tín dụng xanh (cho vay ưu đãi lãi suất thấp cho dự án văn hóa xanh), và phát triển thị trường chứng chỉ carbon cho hoạt động văn hóa xanh (doanh nghiệp công nghiệp văn hóa giảm phát thải được cấp chứng chỉ carbon để bán trên thị trường) là những công cụ hữu hiệu để khuyến khích đầu tư tư nhân. Hợp tác quốc tế là kênh huy động nguồn lực không thể thiếu, đặc biệt là tiếp cận các quỹ khí hậu toàn cầu, chương trình hỗ trợ của UNESCO, UNDP, và các quốc gia phát triển (hợp tác song phương về chuyển giao công nghệ và hỗ trợ tài chính). Xây dựng Quỹ Phát triển từng lĩnh vực ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, đóng góp từ doanh nghiệp, xã hội hóa (quyên góp) và hợp tác quốc tế (tài trợ), ưu tiên các dự án đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ xanh và bảo tồn di sản.

Yếu tố rủi ro là khó thu hút đầu tư tư nhân do dự án văn hóa xanh có thể lợi nhuận chưa cao, thủ tục đầu tư phức tạp, và chính sách ưu đãi chưa đủ hấp dẫn. Nguồn lực quốc tế không ổn định, có thể đi kèm điều kiện ràng buộc. Quỹ phát triển công nghiệp văn hóa có thể thiếu vốn. Để giảm thiểu rủi ro, cần xây dựng dự án văn hóa xanh khả thi, chứng minh lợi ích kinh tế - xã hội - môi trường rõ ràng, đơn giản hóa thủ tục đầu tư, chính sách ưu đãi đủ mạnh, tạo môi trường đầu tư minh bạch, hấp dẫn, đa dạng hóa nguồn hợp tác quốc tế, và xây dựng cơ chế quản lý quỹ minh bạch, hiệu quả.

Giải pháp 4: Ứng dụng công nghệ số và công nghệ xanh. Để nâng cao năng lực thích ứng và phát triển của ngành, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ. Đầu tư hạ tầng công nghệ số là ưu tiên hàng đầu, bao gồm xây dựng bảo tàng số quốc gia, nền tảng văn hóa trực tuyến (ứng dụng di động về di sản văn hóa, cổng thông tin văn hóa số), hệ thống quản lý di sản số (cơ sở dữ liệu di sản, phần mềm quản lý di tích), ưu tiên công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng (điện toán đám mây xanh, trung tâm dữ liệu xanh). Hỗ trợ doanh nghiệp ngành công nghiệp văn hóa ứng dụng công nghệ số trong sáng tạo sản phẩm (ứng dụng thực tế ảo VR/AR cho du lịch di sản, thiết kế, điện ảnh), quảng bá (marketing số, mạng xã hội), và quản lý (phần mềm quản lý doanh nghiệp văn hóa). Khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xanh trong bảo tồn di sản (vật liệu thân thiện môi trường để tu bổ di tích, giải pháp năng lượng tái tạo cho di tích - điện mặt trời mái nhà), sản xuất văn hóa (công nghệ sản xuất ít phát thải, quản lý chất thải trong sự kiện văn hóa, nguyên liệu thân thiện với môi trường), đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cho ngành công nghiệp văn hóa. Nguồn lực huy động từ Nhà nước (đầu tư hạ tầng công nghệ số), doanh nghiệp công nghệ (hợp tác công tư), và hợp tác quốc tế (chuyển giao công nghệ, đào tạo chuyên gia).

Vấn đề rủi ro là chi phí đầu tư công nghệ cao, công nghệ lạc hậu nhanh, khoảng cách số gia tăng (vùng sâu vùng xa khó tiếp cận), và thiếu nhân lực vận hành. Để giảm thiểu rủi ro, cần lựa chọn công nghệ phù hợp, từng bước, ưu tiên công nghệ mở, dễ nâng cấp, đầu tư hạ tầng đồng bộ, chính sách hỗ trợ vùng sâu vùng xa, và đào tạo nhân lực công nghệ chuyên sâu.

Giai đoạn 3: Phát triển bền vững và cân bằng giá trị (dài hạn). Giai đoạn cuối cùng hướng tới mục tiêu dài hạn là phát triển bền vững thực chất và cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn giá trị văn hóa, tập trung vào hai giải pháp chiến lược.

Giải pháp 5: Phát triển sản phẩm và dịch vụ công nghiệp văn hóa xanh. Để tạo động lực tăng trưởng mới cho ngành công nghiệp văn hóa, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, cần thúc đẩy phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa xanh. Tập trung vào việc xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam về sản phẩm và dịch vụ văn hóa xanh, bao gồm các tiêu chí cụ thể cho du lịch sinh thái (khu du lịch sinh thái đạt chứng nhận, tour du lịch sinh thái có trách nhiệm), sản phẩm thủ công mỹ nghệ xanh (sản phẩm từ nguyên liệu tái chế, tự nhiên, quy trình sản xuất thân thiện môi trường), và sự kiện văn hóa xanh (lễ hội, festival giảm thiểu rác thải, sử dụng năng lượng tái tạo). Cần khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất sản phẩm văn hóa xanh thông qua ưu đãi thuế (thuế suất ưu đãi cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xanh), hỗ trợ thị trường (xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm xanh tại thị trường trong nước và quốc tế), và truyền thông quảng bá (chiến dịch truyền thông về lợi ích của sản phẩm văn hóa xanh). Hỗ trợ cộng đồng địa phương phát

triển du lịch văn hóa sinh thái (hỗ trợ xây dựng homestay sinh thái, đào tạo hướng dẫn viên du lịch cộng đồng) và sản phẩm thủ công truyền thống gắn với bảo tồn môi trường (hỗ trợ làng nghề truyền thống chuyển đổi sang quy trình sản xuất xanh, sử dụng nguyên liệu bền vững). Phát triển thị trường tiêu dùng sản phẩm văn hóa xanh thông qua nâng cao nhận thức người tiêu dùng (chiến dịch truyền thông về lợi ích của sản phẩm xanh cho sức khỏe và môi trường), tổ chức các sự kiện quảng bá sản phẩm xanh (hội chợ, triển lãm sản phẩm văn hóa xanh). Nguồn lực cần huy động từ Nhà nước (xây dựng tiêu chuẩn, chính sách ưu đãi), doanh nghiệp (đầu tư sản xuất sản phẩm xanh), và cộng đồng (tham gia sản xuất và cung ứng dịch vụ xanh).

Bên cạnh đó, tiềm ẩn rủi ro là tiêu chuẩn xanh chưa rõ ràng, chứng nhận hình thức, sản phẩm xanh giá thành cao, khó cạnh tranh, và “tẩy xanh” tràn lan. Để giảm thiểu rủi ro, cần xây dựng tiêu chuẩn xanh rõ ràng, minh bạch, có sự tham gia của nhiều bên (chuyên gia, doanh nghiệp, tổ chức xã hội), kiểm soát chất lượng chặt chẽ, hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất xanh (hỗ trợ công nghệ, vốn), xúc tiến thương mại mạnh mẽ, truyền thông về lợi ích sản phẩm xanh, và tăng cường kiểm tra, xử lý “tẩy xanh”.

Giải pháp 6: Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, để đảm bảo phát triển bền vững không làm mất đi bản sắc văn hóa. xây dựng chương trình quốc gia về bảo tồn văn hóa và ứng phó biến đổi khí hậu. Hỗ trợ cộng đồng duy trì, phục hồi các hình thức văn hóa truyền thống (lớp học hát xoan, câu lạc bộ công chiêng). Nghiên cứu, phục dựng di sản văn hóa bị tổn hại do biến đổi khí hậu (tu bổ di tích bị xuống cấp do bão lũ, phục hồi làng nghề truyền thống bị ảnh hưởng bởi hạn hán). Tăng cường giáo dục, truyền thông về giá trị văn hóa truyền thống (tích hợp vào chương trình giáo dục, tổ chức các sự kiện văn hóa cộng đồng). Khuyến khích sáng tạo văn hóa dựa trên giá trị truyền thống, ứng dụng công nghệ để bảo tồn và phát huy văn hóa (số hóa di sản văn hóa phi vật thể, xây dựng bảo tàng ảo về văn hóa truyền thống). Nguồn lực cần huy động từ Nhà nước (đầu tư chương trình bảo tồn), cộng đồng (tham gia bảo tồn), tổ chức xã hội, doanh nghiệp (tài trợ dự án văn hóa).

Tuy nhiên, rủi ro là văn hóa truyền thống bị mai một nhanh chóng, khó khăn trong phục dựng, bảo tồn xơ cứng. Để giảm thiểu rủi ro, cần ưu tiên bảo tồn khẩn cấp, kết hợp bảo tồn và phát triển (du lịch văn hóa cộng đồng), ứng dụng công nghệ số, khuyến khích sáng tạo văn hóa, và tăng cường giáo dục văn hóa từ sớm.

Lộ trình chiến lược phát triển bền vững ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ của tất cả các bên liên quan. Việc triển khai các giải pháp theo từng giai đoạn, với sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nguồn lực, năng lực và quản lý rủi ro, sẽ tạo nền tảng vững chắc cho

sự phát triển bền vững của ngành, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và ứng phó hiệu quả với thách thức biến đổi khí hậu.

Kết luận

Nghiên cứu đã cho thấy ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đang đứng trước những thách thức to lớn và phức tạp từ biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để ngành chuyển mình, phát triển theo hướng bền vững, thích ứng, dựa trên nền tảng các giá trị văn hóa truyền thống và sự sáng tạo không ngừng. Nghiên cứu đã đề xuất một lộ trình chiến lược toàn diện, khả thi, với các giải pháp cụ thể, được phân kỳ theo từng giai đoạn, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững ngành công nghiệp văn hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Nghiên cứu đã hệ thống hóa các tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực khác nhau của CNVH, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cũng như xác định các cơ hội và thách thức. Qua đó, đã đưa ra các giải pháp toàn diện không chỉ giải quyết các vấn đề trước mắt mà còn hướng đến sự phát triển lâu dài.

Bài viết đã cung cấp một cái nhìn tổng quan, đa chiều, tích hợp các khía cạnh lý thuyết, thực tiễn và chính sách, thông qua phân tích thực trạng, đánh giá SWOT, và đề xuất các giải pháp, khuyến nghị. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học quan trọng để xây dựng, hoàn thiện chính sách, chiến lược phát triển ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, cũng như cho các quốc gia đang phát triển khác có nhiều điểm tương đồng. Sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp văn hóa không chỉ là vấn đề của riêng ngành, mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Nó đòi hỏi sự chung tay, nỗ lực của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các nghệ nhân, nghệ sĩ và toàn thể cộng đồng. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, đồng thời xây dựng một nền kinh tế xanh, bền vững và thịnh vượng.

Mặc dù đã cung cấp một cái nhìn tổng quan và sâu sắc, tuy nhiên nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, phạm vi nghiên cứu mới chỉ tập trung vào một số lĩnh vực tiêu biểu của ngành công nghiệp văn hóa (du lịch văn hóa, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và di sản văn hóa), chưa bao quát hết toàn bộ các lĩnh vực khác. Thứ hai, dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu chủ yếu là dữ liệu thứ cấp, chưa có điều kiện để thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát, phỏng vấn sâu. Thứ ba, nghiên cứu chưa đi sâu vào phân tích các yếu tố kinh tế - xã hội cụ thể ảnh hưởng đến khả năng thích ứng và phát triển bền vững của từng lĩnh vực, từng địa phương.

Tài liệu tham khảo

- Cao Sơn (2012). Ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực văn hóa. <https://daibieunhandan.vn/ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-trong-linh-vuc-van-hoa-post175982.html>. Truy cập ngày 28.12.2024.
- Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (2024). Tác động của biến đổi khí hậu tới các di sản văn hóa thế giới ở Quảng Nam. https://itdr.org.vn/nghien_cuu/tac-dong-cua-bien-doi-khi-hau-toi-cac-di-san-van-hoa-the-gioi-o-quang-nam/
- Haapaniemi, H. & Petäjäjärvi, K. (2024). Culture and creative industries enhancing positive mindscapes for climate change. <https://julkaisut.xamk.fi/wp-content/uploads/2024/04/Haapaniemi-Petajarvi-from-URNISBN9789523445680-1.pdf>
- James Borton (2021). Vietnam Fights Climate Change with COVID Strategy. <https://theaseanpost.com/article/vietnam-fights-climate-change-covid-strategy>. Truy cập ngày 14.3.2025.
- Jianfei Yang, Jūratė ernėvi iūtė (2017). Cultural and Creative Industries (CCI) and sustainable development: China's cultural industries clusters. [https://dx.doi.org/10.9770/jesi.2017.5.2\(6\)](https://dx.doi.org/10.9770/jesi.2017.5.2(6))
- Kalfas, D., Kalogiannidis, S., Ambas, V., & Chatzitheodoridis, F. (2024). Contribution of the Cultural and Creative Industries to Regional Development and Revitalization: A European Perspective. <https://doi.org/10.3390/urbansci8020039>.
- Magdalena (2024). The impact of climate change on cultural heritage. [https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2024/762282/EPRS_BRI\(2024\)762282_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2024/762282/EPRS_BRI(2024)762282_EN.pdf). Truy cập ngày 28.12.2024.
- Romero Borre, J., Cuba Romero, G., Gutiérrez, J. M., & Ramírez, J. Rôma (2023). Discussion of the aspects of the cultural and creative industries that impact on sustainable development: a systematic review. <https://doi.org/10.1016/j.procs.2023.09.077>.
- Trần Thị Hòa (2024). Truyền thông về biến đổi khí hậu từ góc nhìn khoa học, văn hóa và xã hội. *Tạp chí Thông tin và Truyền thông*. Số 11.
- UNESCO (2007). Statistics on cultural industries: Framework for the Elaboration of National Data Capacity Building Projects. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000154956>. Truy cập ngày 20.12.2024.
- UNESCO (2021). Culture: the ultimate renewable resource to tackle climate change. <https://www.unesco.org/en/climate-change/culture>. Truy cập ngày 23.12.2024.
- United Nations (1987). Report of the World Commission on Environment and Development Our Common Future. <https://www.are.admin.ch/are/en/home/media/publications/sustainable-development/brundtland-report.html>
- Viện Bảo tồn di tích (2021). Báo cáo tổng kết Kế hoạch hành động ứng phó BĐKH ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch giai đoạn 2021 - 2030.

Voices of Culture (2023). *Culture & Creative Sectors & Industries driving Green Transition and facing the Energy Crisis*, https://ec.europa.eu/assets/eac/culture/docs/voices-of-culture/voices-of-culture-brainstorming-report-green-transition-2023_en.pdf. Truy cập ngày 28.12.2024.

Zhang, H., Zhang, J. & Pai, CH (2024). Promoting carbon neutrality and green growth through cultural industry financing. *Humanit Soc Sci Commun* 11, 71. <https://doi.org/10.1057/s41599-023-02554-5>.